TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **168**/2026/HS-PT
Ngày: 22/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 305/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Trường S về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*".

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2025/HS-ST ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Trường S, sinh ngày 11/12/1994 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình chạy xe Taxi, Hoàng Minh T sử dụng tài khoản Zalo "Tùng T1" và tài khoản Facebook "Tùng Hoàng" (đăng ký bằng số điện thoại 0981711988) tham gia nhóm Zalo "Xe tiện chuyến" để tìm kiếm khách hàng do anh em trong nhóm tài xế chia sẻ trong nhóm, T đưa số điện thoại của mình công khai trên nhóm để mọi người liên lạc khi cần.

Ngày 16/02/2025, T được một người đàn ông (không rõ lai lịch, sử dụng tài khoản Telegram "OK 444") liên lạc để thuê chở 04 người Trung Quốc từ tỉnh Hưng Yên vào Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước với giá 23.000.000đồng, đồng thời T được người đàn ông sử dụng Telegram trên, nói cho biết khách cần chở không có giấy tờ hợp pháp và hướng dẫn tuyến đường di chuyển cho T. Khi đi gần đến địa phận tỉnh Bình Phước thì báo lại cho người sử dụng tài khoản Telegram "OK 444" biết để người này thông báo cho T số điện thoại của lái xe, màu xe, biển kiểm soát xe sẽ đón khách tại N, tỉnh Bình Phước. Người đàn ông sử dụng tài khoản Telegram "OK 444" còn căn dặn T, trong quá trình di chuyển phải hạn chế dừng xe ở dọc đường, lo cho khách Trung Quốc ăn uống đủ 03 bữa/ngày.

Sau đó, T gọi điện thoại cho Hoàng Công D qua ứng dụng zalo để rủ D chạy cùng chuyến xe chở khách từ tỉnh Hưng Yên đến tỉnh Bình Phước, T chỉ nói cho D biết giá cả là 23.000.000đồng/01 chuyến đi, đồng thời T đề nghị D sử dụng xe ô tô 07 chỗ của D để chở khách, D sẽ nhận 16.000.000đồng và T nhận 7.000.000đồng, D sẽ có trách nhiệm lo chi phí ăn uống dọc đường, sau khi nghe T trao đổi thì D đã đồng ý. Đến khoảng 17h00 ngày 17/02/2025, Hoàng Công D đến nhà nghỉ H (thuộc xã N, tỉnh Hưng Yên) để đón T và 04 người khách nước ngoài đi vào tỉnh Bình Phước. Khi T và D đang chở khách đến địa phận của tỉnh Ninh Bình thì tài khoản Telegram "OK444" gọi cho T và hỏi có còn chiếc xe nào khác không vì đang có thêm người nước ngoài nữa cần chở đi luôn thì T nói để T hỏi lại còn xe nào không, rồi báo lại. Ngồi bên cạnh, nghe nội dung T trao đổi về việc "OK444" cần xe chở khách thì D nói với T để D gọi cho Bùi Trường S để hỏi S có đi được không. Sau đó, D gọi điện thoại cho S qua ứng dụng Zalo, khi nói chuyện điện thoại với S thì D bật loa ngoài để nói chuyện, khi đang nói chuyện D quay sang hỏi T giá của chuyến đi thì T nói qua điện của D cho S biết giá là 22.000.000đồng và hỏi S có đi không thì S đồng ý. Nghe vậy, D nói với S nếu đi thì liên lạc với T rồi cúp máy. Được một lúc thì S gọi điện lại nhờ D tìm giúp người lái xe cùng, S sẽ trả tiền công cho người lái xe cùng 3.500.000đồng chuyến đi, D đồng ý. Sau đó, D thông báo cho S biết là có Chu Văn L đi cùng và cho S số điện thoại của L để S tự liên hệ với L. Sau đó, L đã gọi điện thoại cho S để hỏi thời gian đi thì được S nói với L khoảng hơn 20h00' đến nhà S để cùng đi. Đúng thời gian hẹn, L đi xe mô tô đến nhà S rồi cùng S đi bằng ôtô của S (xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát 17A-357.55) đến Hưng Yên.

Đến khoảng 22h30’ ngày 17/02/2025, T gọi điện thoại cho S để hỏi S đi đến đâu rồi thì S nói đang đi và hỏi T đón khách ở đâu thì T nói đến nút giao Y, tỉnh Hưng Yên chờ sẽ có xe trung chuyển đưa khách đến và yêu cầu S kết bạn với tài khoản Telegram “OK444”, đồng thời nói với S rằng T sẽ cung cấp số điện thoại của S cho tài khoản này để liên hệ và yêu cầu S khi nào đi gần đến tỉnh Bình Phước thì gọi báo lại cho T biết, để T thông báo cho tài khoản Telegram “OK444” báo cho tài xế ở Bình Phước đến đón khách. Sau khi đón khách, S gọi cho T qua Zalo để thông báo đã đón 05 người khách nước ngoài và hỏi T giấy tờ của những người này thì T nói với S có gì mai gọi lại cho T.

Đến sáng ngày 18/02/2025, S gọi lại cho T để hỏi những người khách mà T thuê S chở là người nước nào, có giấy tờ không thì T trả lời khách là người Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp, cứ yên tâm đi đi, T đang đi đằng trước, nếu mà bị bắt thì gọi cho T để T báo cho “đầu trên” lo giấy tờ. Sau đó, T và S thống nhất giá cả chở 05 người khách Trung Quốc từ tỉnh Hưng Yên vào tỉnh Bình Phước là 22.000.000đồng, T hưởng lợi 1.000.000đồng. Đồng thời, T hướng dẫn cho S tuyến đường đi cụ thể và dặn một số nội dung thực hiện trong quá trình chở khách như tài khoản Telegram “OK 444” đã hướng dẫn T. Sau đó, khi S và L đi đến địa phận tỉnh Quảng Bình, S nhận được số tiền 10.000.000đồng do T chuyển chuyển khoản vào số tài khoản của S.

Đến khoảng 03h00’ sáng ngày 19/02/2025, S gọi điện thoại cho T qua ứng dụng Zalo để thông báo việc S chở 05 người quốc tịch Trung Quốc (tên Dai Qi M, D1 MeiXu, Song B, Z, Zhao J) đến địa phận xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại công văn số 339/QLXNC-Đ2 ngày 11/4/2025 của Phòng Q, Công an tỉnh Đ có nội dung: *“Đối với 05 trường hợp, gồm:* Dai Qi M*, sinh ngày 19/5/1986, quốc tịch: Trung Quốc, CMND số: 522123198605194O3X; Ding Meixu, sinh ngày 08/5/1995, quốc tịch: Trung Quốc, CMND số: 342401199505085O9X; Song Bo, sinh ngày 13/6/1994, quốc tịch: Trung Quốc, hộ chiếu số: EP1005684; Zeng Keyi, sinh ngày 22/12/2005, quốc tịch: Trung Quốc, CMND số:430426200512220237 và* Zhao J*, sinh ngày 04/10/1978, quốc tịch: Trung Quốc, CMND số: 522123197810044O7P không có thông tin xuất nhập cảnh, tạm trú của 05 người Trung Quốc trên hệ thống dữ liệu của* Cục Q1.*”*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2025/HS-ST ngày 14/11/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: tuyên bố bị cáo Bùi Trường S phạm tội “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Trường S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 02/3/2025 đến ngày 11/3/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Minh T, quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/11/2025, bị cáo Bùi Trường S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Trường S giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Bùi Trường S một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: ngày 26/11/2025, bị cáo Bùi Trường S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Trường S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì mục đích tư lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 17/02/2025 đến ngày 19/02/2025, Hoàng Minh T, Bùi Trường S đã tổ chức cho 05 người Trung Quốc gồm: Dai Qi M, D, Song B, Z, Zhao J là những người không có hộ chiếu, không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam ở lại trái phép trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Hoàng Minh T thuê Bùi Trường S điều khiển xe ô tô biển số 17A-357.55 đến nút giao Y, tỉnh Hưng Yên đón 05 người Trung Quốc trên rồi chở họ đến tỉnh Bình Phước với giá 22.000.000 đồng, T hưởng lợi 1.000.000 đồng. S đồng ý và đã thuê Chu Văn L cùng lái xe. Khi đi đến địa phận xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk) thì bị phát hiện, bắt giữ.

Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết tội Bùi Trường S "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*" với tình tiết định khung "*Đối với từ 05 người đến 10 người*" theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Trường S, thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú tại Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bị

cáo đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cho người nước ngoài không có giấy tờ hợp pháp cư trú tại Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Trường S đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Toà án cấp sơ thấp áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt Bùi Trường S 05 năm 06 tháng tù là phù hợp, thoả đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện đã nộp khoản tiền truy thu theo bản án sơ thẩm là 10.000.000đ và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, như nhận định ở trên, hình phạt mà Toà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, không nặng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Trường S phải chịu theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Trường S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2025/HS-ST ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Trường S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 02/3/2025 đến ngày 11/3/2025.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Trường S phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên